

Bản án số 01/2021/HC-PT

Ngày 04-01-2021

V/v: khiếu kiện quyết định thu hồi
đất, phê duyệt phương án bồi
thường, hỗ trợ và yêu cầu bồi
thường

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30-12-2020 và 04 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 183/2020/TLPT-HC ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 06/2019/HC-ST ngày 21-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9413/2020/QĐ-PT ngày 10-12-2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Cụ Phạm Thị L sinh năm 1936; trú tại: thôn Đ 1, xã P, thành phố B, tỉnh Thái Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Phạm Thị L: ông Lưu Trọng L sinh năm 1962; trú tại: xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị MH, sinh năm 1958; trú tại: thôn Đ 1, xã P, thành phố B, tỉnh Thái Bình, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim Nh sinh năm 1974; trú tại: nhà số 30, ngõ 7, tổ 6b TT, phường N, quận X, Thành phố Hà Nội, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Th D sinh năm 1965; trú tại: nhà số 48, ngõ 93, tập thể Bộ Công an, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1968; trú tại: khu 3, thị trấn T1, huyện HH, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L1 sinh năm 1971; trú tại: thôn Đ, xã P, thành phố B, tỉnh Thái Bình, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th D và bà Nguyễn Thị T: bà Nguyễn Thị Kim Nh, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Minh G sinh năm 1958; trú tại: nhà A3, phòng 205, tập thể liên cơ tổ 5, ngõ 72, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Minh G: ông Trần Trọng H sinh năm 1958; trú tại: thôn Thắng Cựu, xã P, thành phố B, tỉnh Thái Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cụ Phạm Thị L và bà Phạm Thị Lh: Luật sư Phạm H - Văn phòng Luật sư Phạm H và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Minh G:* Luật sư Hoàng Văn T - Văn phòng luật sư A, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Thái Bình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn Đ - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hùng V sinh năm 1955 và bà Lê Thị L2 sinh năm 1966, đều trú tại: thôn Đ 1, xã P, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Ông V và bà L2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Bùi Thị Ng - Phó Trưởng phòng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án những người khởi kiện trình bày:

Cụ Phạm Thị L và những người khởi kiện khác đang quản lý và sử dụng 01 thửa đất có diện tích 1169,1 m² tại thôn Đ 1, xã P, thành phố B. Thửa đất này có nguồn gốc do cụ L và chồng là cụ Nguyễn Văn M (cụ M chết năm 2008) tạo dựng từ năm 1968. Cụ M và cụ L sinh được 09 người con là Nguyễn Hùng V, Nguyễn Thị Minh G, Nguyễn Thị MH, Nguyễn Thị Th D, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Kim Nh, Nguyễn Thị H (sinh năm 1960, chết năm 1967) và Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1962, chết năm 1967). Cụ M không có con

nuôi, không có người vợ nào khác ngoài bà L, trước khi chết không để lại di chúc định đoạt tài sản. Hiện nay, thửa đất thuộc quyền sử dụng của cụ L và các đồng thừa kế của cụ M bao gồm: cụ Phạm Thị L và các con là ông V, bà M, bà G, bà T1, bà T, bà L1, bà Nh.

Ngày 12-01-2018, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Thái Bình ra Thông báo số 09/TB-PTQĐ về việc niêm yết công khai dự thảo phương án, hỗ trợ và giao đất ở mới dự án xây dựng đường K kéo dài, đoạn từ đường TTĐ đến quốc lộ 10 (đợt 5). Theo thông báo này, cụ L và các con bị thu hồi 195,8 m² (phần diện tích đất bị thu hồi này có 01 nhà kiên cố 01 tầng xây năm 1990 và 01 nhà 02 tầng xây năm 1999 nằm trong diện tích 1169,1 m² thuộc quyền sử dụng của cụ Phạm Thị L và các con là Nguyễn Hùng V, Nguyễn Thị Minh G, Nguyễn Thị MH, Nguyễn Thị Th D, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Kim Nh. Cụ L và các con đã có ý kiến phản hồi về dự thảo phương án đền bù gửi các cơ quan có thẩm quyền trong đó có Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B), với nội dung yêu cầu xác định 195,8 m² đất bị thu hồi là đất ở với lý do sau đây:

- Phần diện tích đất bị thu hồi (dự kiến) chỉ là một phần nhỏ trong tổng diện tích đất của gia đình cụ L được quyền sử dụng theo quy định của pháp luật và chính sách của địa phương thể hiện qua: Luật đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ về bồi thường khi thu hồi đất; Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND và Quyết định số 41/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình;

- Phần diện tích đất bị thu hồi (dự kiến) đã được gia đình cụ L xây dựng nhà kiên cố 01 tầng năm 1990 và nhà 02 tầng năm 1999;

- Đất ao trước đây (nay là ao bị lấp) không bị thu hồi (dự kiến) theo sơ đồ trong hồ sơ địa chính phù hợp với thực tế. Vì vậy, không cần phải bàn/xác định giá đền bù đất ao ở đây;

- Có thông tin là chính quyền địa phương thôn Đ, xã P tự điều chỉnh đất nông nghiệp của ông Nguyễn Hùng V (không giao đất nông nghiệp ngoài cánh đồng mà xác định ông V được sử dụng đất ở thay đất nông nghiệp). Nếu có việc này thì việc làm của thôn Đ, xã P là trái pháp luật và không đúng với thực tế sử dụng đất làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền sử dụng đất nông nghiệp của ông Nguyễn Hùng V và quyền sử dụng đất ở của gia đình cụ L.

Ngày 02-4-2018, cụ L và các con nhận được Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường K kéo dài, thành phố B - đoạn từ đường TTĐ đến tuyến đường tránh quốc lộ 10 và Quyết định số 899/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng đường K kéo dài, thành phố B - đoạn từ đường TTĐ đến tuyến đường tránh quốc lộ 10. Theo đó, thu hồi 195,8 m² đất thuộc quyền sử dụng của cụ L và các con kèm theo phương án bồi thường đối với phần diện tích đất bị thu hồi, cụ thể trong 195,8

m² đất bị thu hồi có 149,3 m² là đất ở; 46,5 m² đất ao được bồi thường theo đơn giá bồi thường đất ở nhưng trừ đi nghĩa vụ tài chính bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể quy định tại Quyết định hệ số điều chỉnh giá đất.

Nhận thấy việc thu hồi đất nhằm mục đích phục vụ cho việc xây dựng công trình công ích, do vậy gia đình cụ L và các con không phản đối kế hoạch thu hồi đất của UBND thành phố B nếu việc thu hồi và bồi thường đúng pháp luật và đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của người bị thu hồi đất.

Tuy nhiên, sau khi đối chiếu các quy định của pháp luật hiện hành, chính sách đất đai, thực tế sử dụng đất và diễn biến quá trình trao đổi, thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền với gia đình, cụ L và các con cho rằng: Quyết định thu hồi đất số 897/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B có nội dung không chính xác về người sử dụng đất. Phương án bồi thường của UBND thành phố B không hợp lý. Do đó, ngày 12-4-2018, cụ L và các con đã gửi đơn khiếu nại Quyết định 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B đến Chủ tịch UBND thành phố B đề nghị xem xét, quyết định lại phương án bồi thường đối với phần diện tích đất của gia đình cụ L bị thu hồi.

Ngày 04-5-2018, Thanh tra thành phố B có gửi giấy mời cho cụ L (đại diện cho các thành viên trong gia đình) tham gia buổi làm việc vào ngày 10-5-2018 để làm rõ các nội dung khiếu nại. Ngày 10-5-2018, bà Nguyễn Thị MH thay mặt các thành viên trong gia đình làm việc với Thanh tra thành phố B. Tuy nhiên, kể từ ngày nộp đơn khiếu nại cũng sau buổi làm việc đó, gia đình cụ L chưa nhận được quyết định giải quyết đơn khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, cụ L và các con còn được biết UBND thành phố B đã tiến hành thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ tài sản gắn liền với đất bị thu hồi theo phương án bồi thường quy định trong quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B cho ông Nguyễn Hùng V (chỉ là 1 trong số 07 người con hiện đang còn sống của cụ M và cụ L) mà không có sự đồng ý, thống nhất của các thành viên khác trong gia đình - là đồng sở hữu tài sản (theo nội dung công văn số 86/PTQĐ-BT, HT&TĐC của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B đề ngày 10-4-2018) là trái quy định pháp luật.

Về nguồn gốc tài sản gắn liền với diện tích đất bị thu hồi gồm có:

- 01 nhà mái bằng diện tích 20 m² xây năm 1990, vật liệu do cụ M bỏ tiền ra mua và ông V cùng cụ M trực tiếp xây dựng;

- 01 nhà 02 tầng (diện tích khoảng 60 m²) được xây dựng năm 1999 do cụ M xây vào thời điểm ông V và vợ ông V vẫn còn ăn chung với cụ L và cụ M. Lúc đầu nhà xây 01 tầng có cầu thang bê tông để lên tầng 2. Tiền xây dựng hơn 40.000.000 đồng và phần lớn là tiền của cụ M và cụ L (khoảng hơn 30.000.000 đồng); con gái Nguyễn Thị Th D góp 2.000.000 đồng, con gái Nguyễn Thị MH góp 7.000.000 đồng xây nhà này (trong đó đưa cho cụ M 5.000.000 đồng còn trực tiếp đưa cho ông V là 2.000.000 đồng). Mặc dù, cụ M và cụ L để vợ chồng ông V và các cháu ở ngôi nhà này nhưng thời gian cụ M còn sống thống nhất là

căn nhà này thuộc quyền sở hữu của vợ chồng cụ M và cụ L. Hai cụ chưa tặng cho hay lập di chúc cho ai.

Khoảng năm 2017, ông Nguyễn Hùng V có xây thêm một phần công trình trên tầng 02 và ông V góp bao nhiêu vào việc xây dựng năm 1999 thì cụ L không rõ, nhưng có góp cũng không đáng kể.

- Đến ngày 20-6-2018, Chủ tịch UBND thành phố B ra quyết định số 2758/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất. Tuy nhiên, đến bây giờ, UBND thành phố chưa thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất.

Do các đề nghị của cụ L và các con không được giải quyết thỏa đáng theo quy định của pháp luật nên cụ L và các con đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Ngày 11-12-2018, Trung tâm hòa giải - Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã tiến hành đối thoại. Tại buổi đối thoại, cụ L và các con có trình bày quan điểm về việc giải quyết vấn đề. Sau khi trao đổi, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B hứa sẽ rà soát lại việc giải quyết bồi thường giải quyết việc bồi thường giải phóng mặt bằng cho gia đình cụ L. Tuy nhiên, ngày 16-01-2019, UBND thành phố B ra Quyết định số 209/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung quyết định 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018; Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 26-3-2018. Ngày 21-01-2019, UBND thành phố B ra Quyết định số 239/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 20-6-2018. Cả ba quyết định nêu trên đều không giải quyết triệt để, dứt điểm, đúng và đảm bảo các yêu cầu và quyền lợi chính đáng của gia đình cụ L, không phù hợp với quy định của pháp luật. Đặc biệt các quyết định này có nội dung xác định thửa đất số 193, tờ bản đồ số 8 thôn Đ 1, xã P, thành phố B do cụ Nguyễn Văn M (đã chết) và cụ Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng V quản lý sử dụng. Việc xác định này hoàn toàn không chính xác, trên thực tế, thửa đất vẫn do tất cả cụ L và các con quản lý và sử dụng, cụ Nguyễn Văn M đã chết thì không thể quản lý và sử dụng đất được. Thửa đất vốn được gia đình cụ Lan nhận chuyển nhượng. Sau khi cụ Nguyễn Văn M chết, các thành viên còn lại trong gia đình vẫn sinh sống trên thửa đất đó. Việc UBND thành phố B không ghi nhận đầy đủ những người sử dụng đất trong việc giải quyết bồi thường giải phóng mặt bằng là vi phạm quy định của pháp luật về đất đai. Nay, cụ L và các con vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết:

- Hủy Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng đường K kéo dài, thành phố B - đoạn đường từ TTĐ đến tuyến đường tránh quốc lộ 10;

- Hủy Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16-01-2019 của UBND thành phố B về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B, tỉnh Thái Bình;

- Hủy Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường K kéo dài, thành phố B - đoạn từ đường TTĐ đến tuyến đường tránh quốc lộ 10;

- Hủy Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 16-01-2019 của UBND thành phố B về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B, tỉnh Thái Bình;

- Hủy Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 21-01-2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Thái Bình;

- Buộc UBND thành phố B xây dựng lại phương án bồi thường đất với phần đất của gia đình người khởi kiện bị thu hồi theo hướng xác định toàn bộ phần diện tích đất thu hồi là đất ở và gia đình không bị trừ nghĩa vụ tài chính là tiền sử dụng đất;

- Buộc UBND thành phố B, tỉnh Thái Bình thực hiện việc bồi thường tài sản gắn liền với đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật (đủ và đúng đối tượng được nhận bồi thường);

- Buộc UBND thành phố B, tỉnh Thái Bình quyết định diện tích tái định cư tương ứng với đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện (Chủ tịch và UBND thành phố Thái Bình) trình bày và có quan điểm như sau:

- Về nội dung đề nghị hủy các quyết định hành chính:

Căn cứ Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 04-7-2012 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hai bên đường K kéo dài, thành phố B; Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án phát triển nhà ở hai bên đường K kéo dài, thành phố B.

Xét đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; đề nghị của các phòng, ban, đơn vị có liên quan và UBND xã P, UBND và Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình đã ban hành các quyết định để thực hiện quy trình thủ tục thu hồi đất; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; cưỡng chế thu hồi đất đảm bảo quy định của pháp luật gồm: Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của dự án; Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16-01-2019 của UBND thành phố B về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018; Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất; Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 16-01-2019 của UBND thành phố B về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 26-3-2018; Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của

Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất; Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 21-01-2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 20-6-2018.

- Về nội dung yêu cầu UBND thành phố B xây dựng lại phương án bồi thường đối với phần đất của gia đình người khởi kiện bị thu hồi đất theo hướng xác định toàn bộ phần diện tích đất thu hồi là đất ở và gia đình không bị trừ đi nghĩa vụ tài chính là tiền sử dụng đất: thửa đất của cụ Nguyễn Văn M (cụ M đã chết), cụ Phạm Thị L hiện cụ Phạm Thị L và ông Nguyễn Hùng V (con cụ M, cụ L) đang sử dụng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; gia đình không có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất. Theo tài liệu đo đạc qua các thời kỳ: Bản đồ, sổ mục kê 299 (đo đạc năm 1984); bản đồ số 241 (đo đạc năm 1997), bản đồ đo đạc năm 2005 và phương án giao đất nông nghiệp theo Quyết định số 625, 984 của UBND tỉnh Thái Bình, diện tích đất thu hồi của gia đình để thực hiện dự án xây dựng đường K kéo dài là 195,8 m² đất được xác định: 149,3 m² đất ở có trong bản đồ số 299, 241; 46,5 m² đất là đất ao trong bản đồ 299, gia đình tự ý chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở. Căn cứ Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, UBND thành phố đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy định. Việc gia đình yêu cầu UBND thành phố lập phương án bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi là đất ở không phải trừ nghĩa vụ tài chính là không có căn cứ.

- Về nội dung yêu cầu UBND thành phố B thực hiện việc bồi thường tài sản gắn liền với đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật (đủ và đúng đối tượng được nhận bồi thường): xét đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất tại tờ trình số 32/TTt-PTQĐ ngày 07-3-2018 kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và kết quả thẩm định của các phòng có liên quan, UBND thành phố đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 và Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16-01-2019 đảm bảo theo đúng quy định.

- Về nội dung yêu cầu UBND thành phố B quyết định diện tích tái định cư tương ứng đối với phần đất bị thu hồi cho người bị kiện theo quy định của pháp luật: căn cứ Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, Chủ trương của UBND tỉnh Thái Bình tại Văn bản số 4001/UBND-NNTNMT ngày 17-11-2015 về việc bồi thường bằng giao đất ở mới, UBND thành phố đã thực hiện đảm bảo theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B) trình bày và có quan điểm như sau:

- Việc UBND và Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình ban hành các Quyết định: Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16-01-2019 về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018; Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 về việc thu hồi đất, Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 16-01-2019 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm

quyền và có căn cứ. Về phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với thửa đất thu hồi 193, trích lục bản đồ địa chính khu đất số 03/2015/TLBĐĐC thuộc dự án xây dựng đường KĐ kéo dài đã được UBND thành phố Thái Bình phê duyệt đảm bảo các quy định của Nhà nước.

- Việc thực hiện kiểm đếm là căn cứ vào kê khai của ông V, thực hiện trong các ngày 22, 25, 28-11-2017. Thành phần bắt buộc tham gia việc kiểm đếm gồm người có tài sản, đại diện UBND xã P và cán bộ Trung tâm quỹ đất; ngoài ra, Trung tâm có mời thêm cán bộ địa chính xã P, trưởng thôn Đ 1 và các phòng ban liên quan. Ông Đ1 là trưởng thôn chỉ là thành phần chứng kiến, trách nhiệm xác định khối lượng kiểm đếm do người có tài sản, Trung tâm quỹ đất và UBND xã P. Trong các biên bản kiểm đếm thì cụ L đều xác định tài sản trên đất bị thu hồi là của ông V. Việc người khởi kiện nêu có việc lấp đặt một số tài sản mới để trục lợi việc bồi thường thì theo quy định các tài sản mới lấp đặt chỉ được hỗ trợ 30% giá trị để chủ sở hữu tự tháo dỡ.

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B thống nhất với quan điểm của người bị kiện, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hùng V và bà Lê Thị L2 trình bày và có quan điểm như sau:

Bố mẹ ông Nguyễn Hùng V là cụ Nguyễn Văn M, sinh năm 1930 (chết năm 2008) và cụ Phạm Thị L, sinh năm 1936 có các con gồm ông V, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị Nh. Gia đình bố mẹ ông V sống bằng nghề nông nghiệp, là xã viên Hợp tác xã nông nghiệp ĐP, xã P. Các em gái ông V đều đi lấy chồng ở địa phương khác, ông V sinh sống cùng với bố mẹ. Năm 1988, ông V kết hôn với bà Lê Thị L2 và ở chung nhà với cụ M và cụ L. Đến năm 1990, ông V xin bố mẹ cho lập góc ao phía Đông nhà giáp mặt đường để xây dựng quán may và sửa chữa quần áo, bán tạp hóa..., tên quán là VN. Đến năm 1999, vợ chồng ông V xin bố mẹ cho đất làm nhà, cụ Mọi và cụ Lan đồng ý chỉ chỗ đất và cùng ông V, ông Bùi Văn Bá là thợ xây cắm mốc, đào móng xây nhà. Thời gian xây dựng từ tháng 11/1999 (âm lịch) đến tháng 4/2000 (âm lịch) thì hoàn thành tầng một, đến năm 2002 xây tiếp công trình phụ, đến năm 2005 xây tiếp và đến năm 2014 mới hoàn thiện. Toàn bộ tiền xây dựng nhà là của vợ chồng ông V làm ra và vay mượn, do ông V trực tiếp thuê thợ xây dựng, thợ mộc, mua nguyên vật liệu và thanh toán tiền thuê thợ xây, thợ mộc và nguyên vật liệu. Những người mà ông V thuê là ông Bùi Văn B là thợ xây dựng, ông Bùi Văn Th làm cánh cửa, anh Bùi Văn Ph làm mái tôn, những người hàng xóm liền kề đều biết và xác nhận sự việc ông V thuê thợ để làm nhà và trực tiếp thanh toán cho những người này. Vợ chồng ông V cùng các con sinh sống tại ngôi nhà do vợ chồng ông V xây dựng. Còn cụ M và cụ L ở tại nhà ngói không liên quan gì đến phần đất bị thu hồi. Từ năm 1999 đến trước khi bị thu hồi đất, bố mẹ và chị em trong gia đình không ai có ý kiến gì. Chỉ đến khi có dự án thu hồi đất làm đường K kéo dài thì gia đình mới có mâu thuẫn. Vợ chồng ông V và các con cũng có tiêu chuẩn đất nông nghiệp nhưng không liên quan gì đến diện tích đất bị thu hồi. Ông V không

tranh chấp tài sản và đất của bố mẹ, nhưng không nhất trí về việc khởi kiện UBND và Chủ tịch UBND thành phố B. Ông V chấp hành việc UBND thành phố và Ban giải phóng mặt bằng thu hồi đất để làm đường K. Hiện tại một nửa ngôi nhà 2 tầng của vợ chồng ông V bị thu hồi một nửa theo chiều dọc của ngôi nhà, nên đề nghị cấp đất tái định cư hoặc xây dựng lại nhà trên nửa ngôi nhà còn lại để sinh sống.

Tại Bản án số 06/2019/HC-ST ngày 21-10-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 61, điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 158, Điều 164; khoản 5 Điều 191, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; áp dụng các điều 66, 67, 68, 69, 70 và 71 Luật đất đai năm 2013; các điều 121 và 122 Luật tổ chức chính quyền địa phương; quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị MH, bà Nguyễn Thị Kim Nh, bà Nguyễn Thị Th D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị Minh G về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng đường K kéo dài, thành phố B - đoạn đường từ TTĐ đến tuyến đường tránh quốc lộ 10;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16-01-2019 của UBND thành phố B về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B, tỉnh Thái Bình;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường K kéo dài, thành phố B - đoạn từ đường TTĐ đến tuyến đường tránh quốc lộ 10;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 16-01-2019 của UBND thành phố B về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 của UBND thành phố B, tỉnh Thái Bình;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 21-01-2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Thái Bình;

- Yêu cầu buộc UBND thành phố B xây dựng lại phương án bồi thường đất với phần đất của gia đình người khởi kiện bị thu hồi theo hướng xác định toàn bộ phần diện tích đất thu hồi là đất ở và gia đình không bị trừ nghĩa vụ tài chính là tiền sử dụng đất;

- Yêu cầu buộc UBND thành phố B, tỉnh Thái Bình thực hiện việc bồi thường tài sản gắn liền với đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật (đủ và đúng đối tượng được nhận bồi thường);

- Yêu cầu buộc UBND thành phố B, tỉnh Thái Bình quyết định diện tích

tái định cư tương ứng với đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05-11-2019, các người khởi kiện gồm cụ Phạm Thị L, các bà Nguyễn Thị MH, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Kim Nh và Nguyễn Thị Minh G có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự và các Luật sư cho rằng phần diện tích đất bị thu hồi không nằm trong diện tích ao, theo quy định của pháp luật đất đai thì toàn bộ diện tích đất gia đình đang sử dụng phải được công nhận là đất ở mà không phải nộp tiền sử dụng đất; việc UBND thành phố B khi bồi thường về đất đã trừ nghĩa vụ tài chính đối với diện tích 46,5 m² đất bị thu hồi là không đúng pháp luật. Ngoài ra, việc bồi thường còn không đúng đối tượng khi chỉ trả tiền bồi thường theo phương án cho ông Nguyễn Hùng V khi chưa được sự đồng ý của gia đình.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đương sự còn đề nghị xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thu thập, giao nhận một số tài liệu, chứng cứ không thực hiện theo biểu mẫu tố tụng; biên bản, quyết định hoãn phiên tòa không đóng dấu theo quy định.

Đại diện hợp pháp của người bị kiện vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị không chấp nhận kháng cáo nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng pháp luật; đề nghị giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: người khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND thành phố Thái Bình, Chủ tịch UBND thành phố Thái Bình; yêu cầu UBND thành phố Thái Bình phải thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.

Ngày 15-10-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình nhận được đơn khởi kiện của những người khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính và yêu cầu người bị kiện thực hiện các hành vi hành chính nêu trên là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật tố tụng hành

chính.

[2]. Xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện, xét thấy:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị kiện: UBND thành phố đã căn cứ Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 04-7-2012 và Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 07-01-2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án phát triển nhà ở hai bên đường K kéo dài, thành phố B để ban hành các quyết định nêu trên là đúng thẩm quyền. Các quyết định hành chính bị kiện được ban hành đúng quy định của Luật đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 về hình thức, trình tự, thủ tục.

- Về căn cứ ban hành các quyết định hành chính bị kiện:

Về việc xác định loại đất bị thu hồi: nguồn gốc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 8 có tổng diện tích 1169,1 m² tại thôn Đ 1, xã P, thành phố B là của vợ chồng cụ L và cụ Nguyễn Văn M tạo dựng từ năm 1968, hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực hiện quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt thực hiện dự án xây dựng đường K kéo dài, thành phố B đoạn từ đường TTĐ đến tuyến tránh quốc lộ 10. Theo đó UBND thành phố B đã ra quyết định thu hồi 195,8 m² đất thuộc quyền sử dụng của gia đình cụ L kèm theo phương án bồi thường đối với phần diện tích đất bị thu hồi, cụ thể trong 195,8 m² đất bị thu hồi có 149,3 m² là đất ở; 46,5 m² đất ao được bồi thường theo đơn giá bồi thường đất ở nhưng trừ đi nghĩa vụ tài chính bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể quy định tại quyết định hệ số điều chỉnh giá đất. Theo xác minh tại UBND xã P thể hiện tại bản đồ 299 đo đạc năm 1984; bản đồ 241 đo đạc năm 1996, tài liệu bản đồ đo đạc năm 2005 và phương án giao đất nông nghiệp theo quyết định 948/2000/QĐ-UBND tỉnh Thái Bình tại xã P đã xác định: trong tổng số 195,8 m² đất thuộc diện thu hồi của gia đình cụ L gồm có: 149,3 m² là đất thổ; 46,5 m² (theo bản đồ 299 là đất ao; theo bản đồ năm 241 cho đến nay là đất thổ - gia đình tự ý chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đối với phần diện tích này - làm nhà ở trước năm 2004). Ông V thừa nhận năm 1990 lấp một phần góc ao ở giáp đường thôn để xây dựng quán bán hàng, hiện nay ngôi nhà này thuộc diện tích đất 195,8 m² bị thu hồi; do đó, việc UBND thành phố B ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường: đối với 149,3 m² đất thổ - thống nhất bồi thường là đất ở trong hạn mức và được bồi thường đất ở, mức 100%; đối với 46,5m², xác định là vượt hạn mức đất ở, tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất có hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (tự ý chuyển mục đích sử dụng đất) nên được bồi thường là đất ở nhưng phải trừ nghĩa vụ tài chính bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể tại thời điểm bị thu hồi là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP và khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và khoản 2

Điều 6 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

Về thủ tục thu hồi, đền bù, giải phóng mặt bằng: cụ L và cụ M có 07 người con ông Nguyễn Hùng V và các bà Nguyễn Thị MH; Nguyễn Thị Th D, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Kim Nh, Nguyễn Thị Minh G. Cụ M chết năm 2008, cụ L và các con của cụ L và cụ M đều thừa nhận cụ M chết không để lại di chúc định đoạt tài sản cho ai. Sau khi cụ M chết thì những người thừa kế của cụ M chưa cử ai làm người quản lý di sản, cụ L là người đang quản lý, sử dụng nên là người quản lý di sản. Đến nay, những người thừa kế của cụ M cũng chưa yêu cầu cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục thỏa thuận phân chia di sản thừa kế hoặc Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ M. Thực tế, đến trước khi UBND thành phố B có quyết định thu hồi đất thì chỉ có cụ Phạm Thị L, vợ chồng ông V cùng các con có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống trên thửa đất có diện tích đất bị thu hồi, bà M nhập khẩu về cùng hộ cụ L ngày 15-02-2019; do đó, việc các cơ quan chức năng của UBND thành phố B tiến hành làm việc với cụ Phạm Thị L là người có quyền sử dụng đất bị thu hồi và đang trực tiếp quản lý trực tiếp di sản của cụ M để lại là phù hợp với quy định của pháp luật, không xâm phạm quyền thừa kế của những người thừa kế của cụ M đối với giá trị di sản do cụ M để lại.

Về tài sản trên đất bị thu hồi: theo xác minh tại UBND xã P, lời khai của những người làm chứng là những người mà ông V thuê để xây dựng nhà, trường thôn và hàng xóm liền kề đều khẳng định tài sản trên diện tích đất bị thu hồi là do vợ chồng ông V thuê người xây dựng, mua nguyên vật liệu và thanh toán tiền. Ngoài ra, tại biên bản làm việc ngày 20-5-2017 và các biên bản kiểm đếm tài sản hoa màu trên diện tích đất bị thu hồi vào các ngày 22-11; 25-11 và 28-11-2017, cụ L đều xác định toàn bộ những tài sản trên diện tích đất bị thu hồi là của ông V, do ông V tạo dựng; sinh sống ổn định, lâu dài, chỉ có vợ chồng ông V sử dụng toàn bộ khối tài sản này. Mặc dù những người khởi kiện cho rằng tài sản trên đất là do cụ M và cụ L xây dựng, nhưng cũng không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh có sự đóng góp tôn tạo vào khối tài sản này; vì thế, việc Trung tâm phát triển quỹ đất xác định tài sản trên đất bị thu hồi là của vợ chồng ông V và đã lập phương án bồi thường, UBND thành phố B đã phê duyệt phương án bồi thường và chi trả kinh phí cho ông V theo đúng trình tự quy định là có căn cứ, vợ chồng ông V đã nhận đầy đủ số tiền này.

Về yêu cầu buộc UBND thành phố B quyết định diện tích tái định cư tương ứng với đất bị thu hồi: căn cứ Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30-6-2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình thì trường hợp thu hồi 195,8 m² đất của cụ Phạm Thị L và những người liên quan không thuộc trường hợp được giao đất tái định cư. Còn việc thu hồi đối với diện tích đất nông nghiệp của gia đình cụ L trước khi thu hồi diện tích đất 195,8 m² đất nêu trên đã được UBND thành phố B giải quyết giao đất tái định cư theo quy định. Tuy nhiên, UBND thành phố B đã căn cứ chủ trương của UBND tỉnh Thái Bình tại

Văn bản số 4001/UBND-NNTNMT ngày 17-11-2015 về việc bồi thường bằng giao đất ở mới; công văn đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B tại Tờ trình số 07 ngày 21-01-2019 về việc thẩm định, phê duyệt phương án giao đất tái định cư, đất ở mới để ban hành Quyết định số 331 ngày 30-01-2019 về việc phê duyệt phương án giao đất có thu tiền sử dụng đất cho gia đình cụ L. Theo đó hộ gia đình nhà cụ L được UBND thành phố lập phương án giao 02 lô đất tại khu tái định cư và công trình công cộng xã P (khu 26 ha), diện tích mỗi lô 63 m², có sổ lô, sổ thửa cụ thể (tổng số 126 m² với giá tiền là 6.500.000 đồng/01 m². Khi nhận đất thì tổng số tiền hộ gia đình cụ L phải nộp vào ngân sách nhà nước là 819.000.000 đồng). Xét thấy việc bồi thường và giao đất ở mới cho gia đình cụ L được UBND thành phố thực hiện đảm bảo theo quy định.

Như vậy, các quyết định hành chính bị kiện gồm: Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 về việc thu hồi đất, Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 26-3-2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường không chính xác về đối tượng bị thu hồi đất và đối tượng được đền bù, nhưng đã được UBND thành phố B sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 16-01-2019 và Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16-01-2019, đồng thời UBND thành phố B đã ra Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất cho cụ Phạm Thị L và những người có liên quan là có căn cứ, đúng pháp luật đất đai. Do gia đình cụ Phạm Thị L và những người liên quan không chấp hành việc giao đất bị thu hồi, nên Chủ tịch UBND thành phố B đã ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất và quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định thu hồi đất là đúng quy định của Luật đất đai.

Việc Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đương sự cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thu thập, giao nhận một số tài liệu, chứng cứ không thực hiện theo biểu mẫu tố tụng; biên bản, quyết định hoãn phiên tòa không đóng dấu theo quy định, xét thấy các tình tiết này không phải là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Với các lý do trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác các yêu cầu của người khởi kiện là đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[3]. Về án phí: kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải nộp án phí theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của các người khởi kiện gồm cụ Phạm Thị L, các bà Nguyễn Thị MH, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Kim Nh và Nguyễn Thị Minh G và giữ nguyên quyết định của Bản án số 06/2019/HC-ST ngày 21-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

2. Cụ Phạm Thị L, các bà Nguyễn Thị MH, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T,

Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Kim Nh và Nguyễn Thị Minh G phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận bà Nguyễn Thị MH đã nộp số tiền trên vào ngày 06-11-2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THA dân sự tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam

